

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm điểm dưới tác động tiêu cực của các nhóm ngành bán lẻ và chứng khoán với thanh khoản giảm

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL giảm điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở

## [Thông tin doanh nghiệp]

CTD, VTK

## [Cập nhật công ty]

KBC

## [Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị tránh mua đuổi trong các phiên hồi phục sớm, ưu tiên bán chốt lời các vị thế trading đã mở và hạ tỷ trọng danh mục xuống ngưỡng an toàn khi chỉ số tiếp cận các vùng kháng cự

17/06/2024

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,274.77	-0.40
VN30	1,309.70	-0.51
HĐTL VN30F1M	1,308.00	-0.68
HNXIndex	243.16	-0.33
HNX30	538.22	-0.43
UPCoM	98.09	+0.04
USD/VND	25,455	+0.02
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.80	+0
Lãi suất qua đêm (%)	4.27	+9
Dầu (WTI, \$)	78.67	+0.28
Vàng (LME, \$)	2,322.42	-0.46



# Điểm nhấn thị trường

**VNIndex** 1,274.77 (-0.40%)  
**KLGD (triệu CP)** 779.7 (-18.8%)  
**GTGD (triệu US\$)** 903.2 (-21.7%)

TTCK Việt Nam giảm điểm dưới tác động tiêu cực của các nhóm ngành bán lẻ và chứng khoán với thanh khoản giảm. Khối ngoại bán ròng 786.86 tỷ đồng, tập trung tại HPG (+1.20%), FPT (-1.68%), VHM (+0.26%).

**HNXIndex** 243.16 (-0.33%)  
**KLGD (triệu CP)** 68.3 (-36.5%)  
**GTGD (triệu US\$)** 57.0 (-30.5%)

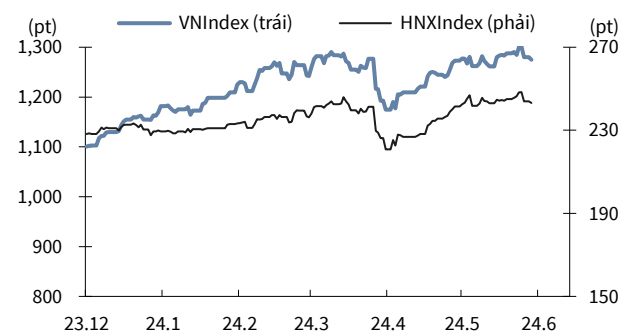
Theo số liệu mới nhất từ Hiệp hội Thép Việt Nam, sản xuất thép và bán hàng trong 4 tháng đầu năm cùng ở mức khoảng 9.3 triệu tấn tăng lần lượt 5.7% và 15% so với cùng kỳ năm ngoái. Cổ phiếu ngành thép tăng giá ở HSG (+6.79%), NKG (+4.28%).

**UPCoM** 98.09 (+0.04%)  
**KLGD (triệu CP)** 52.4 (-55.1%)  
**GTGD (triệu US\$)** 36.0 (-41.3%)

Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, trong tháng 5, xuất khẩu cao su của Việt Nam đạt 84,467 tấn, trị giá 134.6 triệu USD, giảm 28% về lượng và 15% về trị giá so với cùng kỳ năm trước. Cổ phiếu ngành cao su giảm giá ở PHR (-2.62%), DRC (-2.63%).

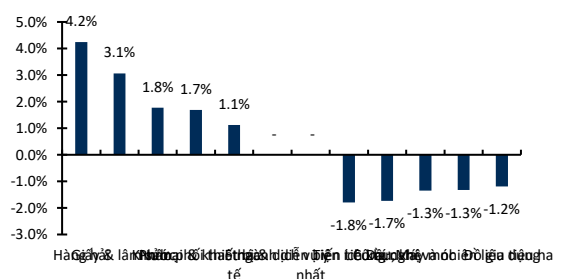
**ĐTNN mua ròng (triệu US\$)** -33.3

## VNIndex & HNXIndex



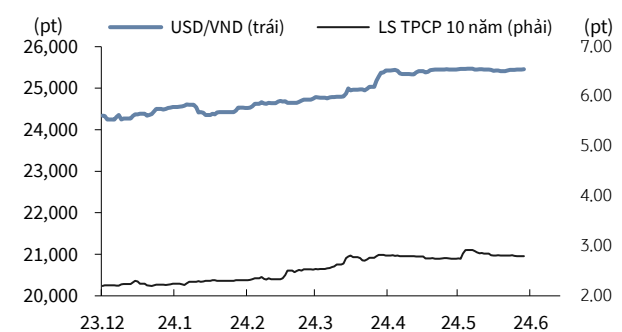
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Biến động nhóm ngành



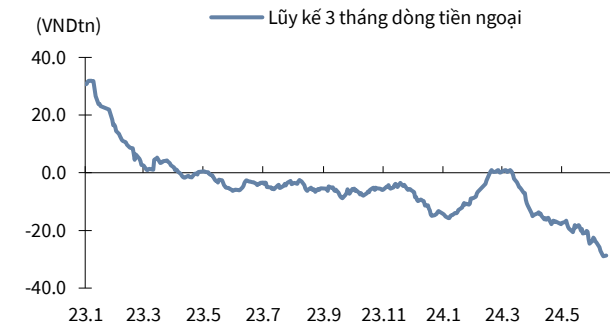
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



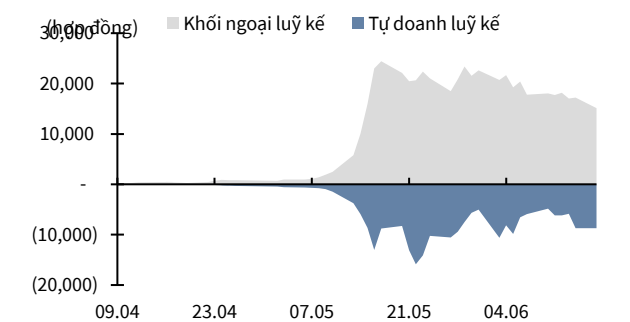
Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>1,309.70 (-0.51%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>1,308.0 (-0.68%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>1,315.5</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>1,316.0</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>1,305.0</b>
<b>KLGD (HĐ)</b>	<b>222,963 (+8.3%)</b>

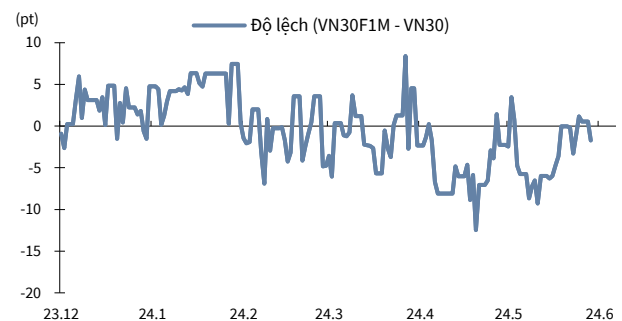
Các HĐTL giảm điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2406 và VN30 mở cửa tại mức -1.66 điểm, sau đó biến động quanh -1 điểm và đóng cửa tại -1.71 điểm. Khối lượng giao dịch tăng. Khối ngoại bán ròng 2,086 HĐTL VN30F2406 nhưng đang duy trì vị thế mua lũy kế 15,112 hợp đồng.

Mua/bán lũy kế HĐTL VN30F1M của tự doanh & NĐTNN



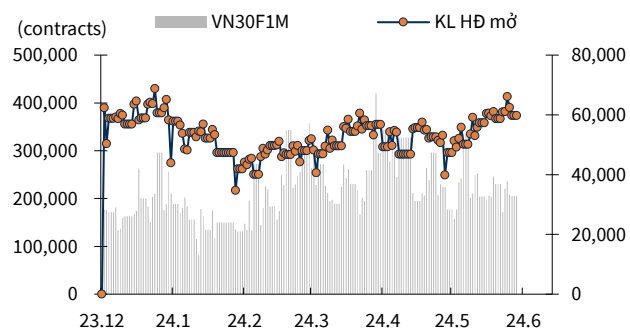
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



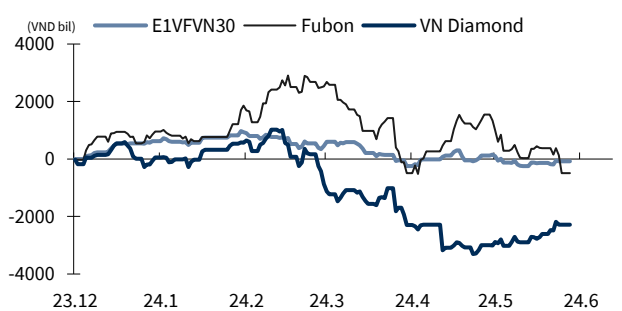
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

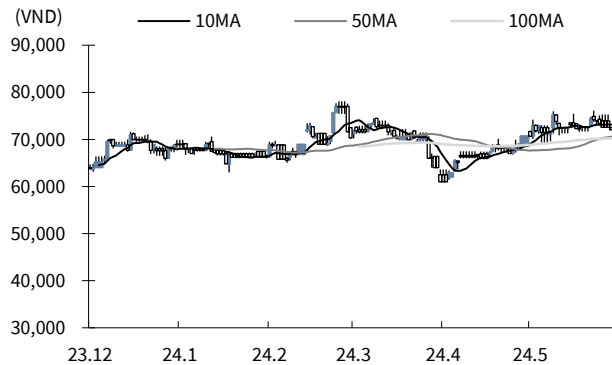
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Thông tin doanh nghiệp

## CTCP Xây dựng Coteccons (CTD)

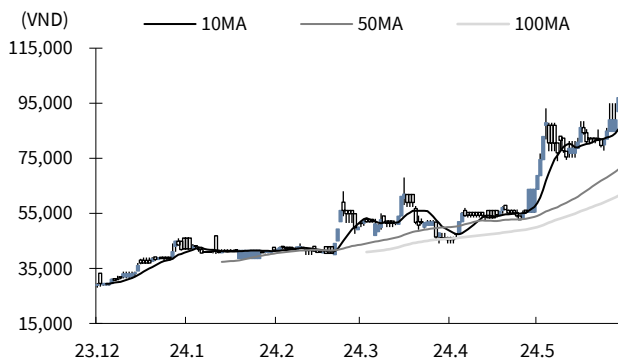


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- CTD giảm 0.83% xuống 72,000 VND/cp

- CTCP Xây dựng Coteccons đã thông qua nghị quyết về việc mua lại 4,000 cổ phiếu ESOP từ các cán bộ nhân viên đã nghỉ việc với mức giá 10,000 đồng/cổ phiếu. Về tình hình kinh doanh, trong Q1/2024, CTD ghi nhận doanh thu thuần đạt 4,666 tỷ đồng, tăng 49% YoY. Trong Q2/2024, tỷ trọng doanh thu từ mảng công nghiệp đã tăng lên 32% và dự kiến sẽ đạt 40% trong năm 2024-2025.

## CTCP Tư Vấn Và Dịch Vụ Viettel (VTK)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VTK tăng 7.54% lên 97,000 VND/cp

- CTCP Tư Vấn và Dịch Vụ Viettel sẽ chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức năm 2023 bằng tiền mặt với tỷ lệ 15%, tương đương 1,500 đồng/cổ phiếu. Thời gian chi trả dự kiến vào ngày 05/07/2024. Năm 2024, VTK đặt mục tiêu đạt tổng doanh thu 352 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế gần 30 tỷ đồng, tăng lần lượt 23% và 14% YoY. Sự tăng trưởng này được kỳ vọng sẽ đến từ việc phát triển các lĩnh vực mới như đo lường, ICT, và giải pháp kiên cố hạ tầng viễn thông với doanh thu dự kiến 210 tỷ đồng, chiếm 56% tổng doanh thu.

# TCT phát triển Đô thị Kinh Bắc (KBC) Kì vọng phục hồi nửa cuối năm

14/06/2024

Chuyên viên phân tích Nguyễn Ngọc Anh  
[anhntn@kbsec.com.vn](mailto:anhntn@kbsec.com.vn)  
(+84) 24-7303-5333

**1Q2024, KBC ghi nhận doanh thu 152 tỷ VND (-93% yoy), LNST lỗ 77 tỷ VND sau 4 quý lãi liên tiếp**

1Q2024, KBC đạt doanh thu 152 tỷ VND, giảm mạnh 93% so với cùng kỳ năm trước do không bàn giao được đất KCN cho thuê, chỉ hoàn thành được 2% doanh thu kế hoạch 2024. LNST ghi nhận lỗ 77 tỷ VND (-107% yoy).

**Dự kiến năm 2024 KBC sẽ bàn giao cho thuê được 111 ha đất KCN**

Chúng tôi dự kiến KBC có thể ghi nhận doanh thu cho thuê mới cho 111 ha đất KCN trong 2024, bao gồm 16 ha KCN Quang Châu, 30 ha KCN Nam Sơn Hạp Lĩnh, 25 ha KCN Tân Phú Trung, 30 ha KCN Trảng Duệ 3 và 10 ha CCN Hưng Yên với kì vọng Trảng Duệ 3 và CCN Hưng Yên bắt đầu cho thuê trong nửa cuối năm nay.

**KBC đang đề xuất triển khai thêm 2 KCN tại Cần Thơ, bổ sung vào quỹ đất gối đầu của doanh nghiệp trong nhiều năm sắp tới**

Đầu tháng 6/2024, KBC đã làm việc với ban lãnh đạo tỉnh Cần Thơ về đề xuất đầu tư KCN Ô Môn và Cờ Đỏ với tổng quy mô lên đến 1,320 ha, cùng với các dự án đang được KBC triển khai trên cả nước sẽ đảm bảo được quỹ đất KCN cho doanh nghiệp trong dài hạn.

**KBC có kế hoạch phát hành 250 triệu cổ phiếu riêng lẻ, nâng vốn điều lệ lên 10,176 tỷ VND**

KBC trình ĐHCĐ diễn ra vào tháng 6 này kế hoạch phát hành 250 triệu cổ phiếu riêng lẻ. Nếu phát hành thành công, vốn điều lệ sẽ tăng từ 7,676 tỷ VND lên 10,176 tỷ VND. Số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được dùng để tái cơ cấu nợ vay, tăng vốn góp vào công ty con, công ty liên kết.

**Khuyến nghị MUA, giá mục tiêu 42,000 VND/cổ phiếu**

Dựa trên triển vọng kinh doanh và kết quả định giá, chúng tôi đưa ra khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu KBC, mức giá mục tiêu là 42,000 VND/cổ phiếu, cao hơn 38.6% so với mức giá đóng cửa 30,300 VND ngày 14/06/2024.

## Mua duy trì

**Giá mục tiêu VND42,000**

Tăng/giảm (%)	38.6%
Giá hiện tại (14/06/2024)	VND 30,300
Giá mục tiêu đồng thuận	VND 38,200
Vốn hóa thị trường (cổ phiếu x VND/cổ phiếu)	23.3/0.9

### Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng	55.3%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	251.6/10.0
Sở hữu nước ngoài (%)	21.2%
Cổ đông lớn	Ông Đặng Thành Tâm - Chủ tịch HĐQT (18.1%)

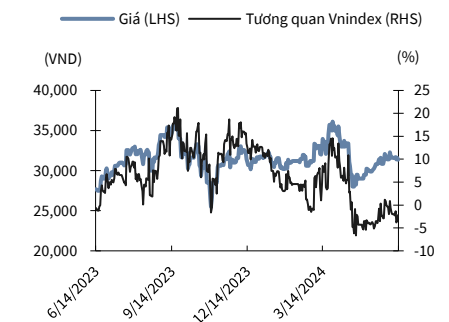
### Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	4.0	-7.7	1.1	13.2
Tương đối	-0.7	-10.6	-16.1	-3.3

### Dự phóng KQKD & định giá

FY-end	2022	2023	2024F	2025F
Doanh số thuần (tỷ VND)	950	5,645	4,967	6,446
Lãi/(lỗ) từ HĐKD (tỷ VND)	1,577	2,218	1,949	1,804
Lợi nhuận của CĐ công ty mẹ (tỷ VND)	1,526	1,996	1,754	1,623
EPS (VND)	1,993	2,600	2,285	2,114
Tăng trưởng EPS (%)	20%	30%	-12%	-7%
P/E (x)	15	12	13	14
P/B (x)	1.0	1.2	1.1	1.0
ROE (%)	9%	11%	9%	8%
Tỷ suất cổ tức (%)	0%	0%	0%	0%

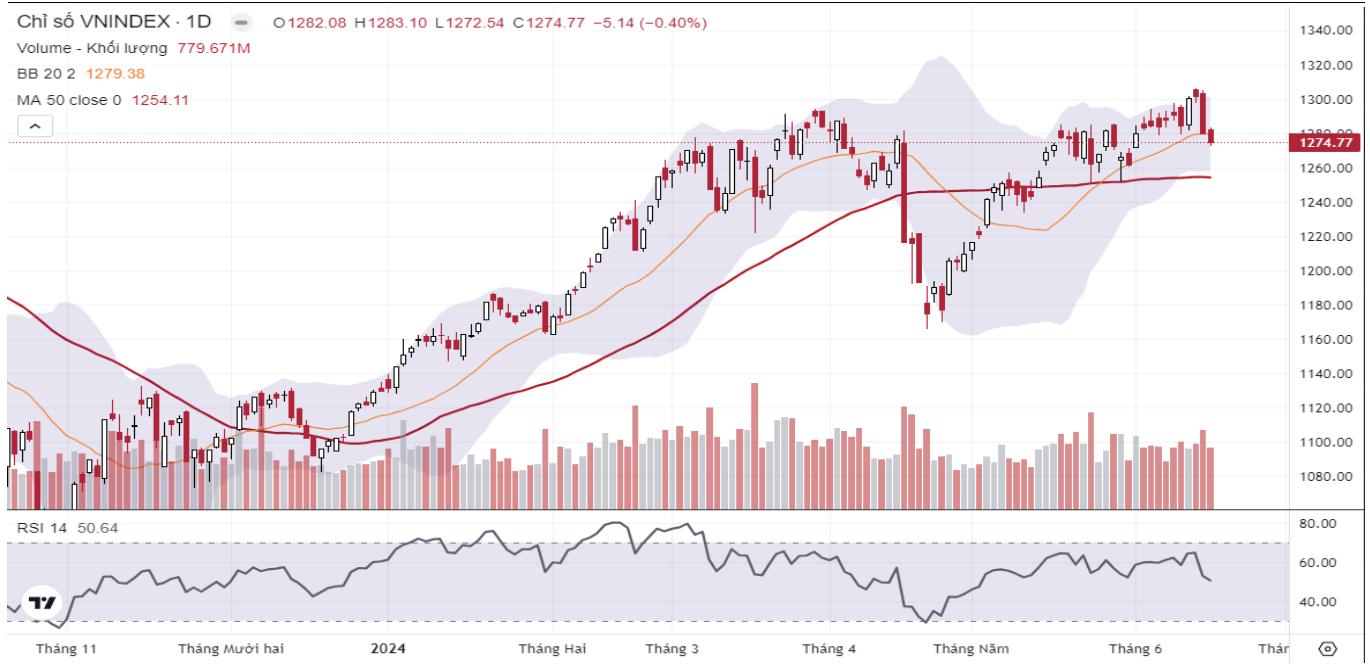
Nguồn: Fiinpro, KBSV



# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

### Chỉ số VNIndex



Nguồn: Trading View, KB Securities Vietnam

Chi báo	Nhận định xu hướng	Hành động
Xanh đậm	Khả năng tăng điểm cao	Mua mạnh
Xanh nhạt	Khả năng tăng điểm vừa phải	Mua từng phần
Vàng	Xu hướng trung tính	Quan sát
Cam	Khả năng giảm điểm vừa phải	Bán từng phần
Đỏ	Khả năng giảm điểm cao	Bán mạnh

### Ngưỡng kỹ thuật

Kháng cự xa: 1330 (+10)

Kháng cự gần: 129x

Hỗ trợ gần: 1270 (+5)

Hỗ trợ xa: 124x

Chỉ số tiếp tục đảo chiều giảm điểm và xuyên thủng ngưỡng MA20 ngày sau khi có phản ứng hồi phục từ sớm cho thấy áp lực cung giá thấp vẫn đang tương đối áp đảo. Mặc dù nhiều khả năng VNIndex sẽ cho phản ứng hồi phục trở lại tại vùng hỗ trợ gần quanh 1270, rủi ro chỉ số có thể sớm đảo chiều sau đó đang có phần lấn át hơn.

NDT được khuyến nghị tránh mua đuổi trong các phiên hồi phục sớm, ưu tiên bán chốt lời các vị thế trading đã mở và hạ tỷ trọng danh mục xuống ngưỡng an toàn khi chỉ số tiếp cận các vùng kháng cự.

# KBSV danh mục đầu tư mẫu

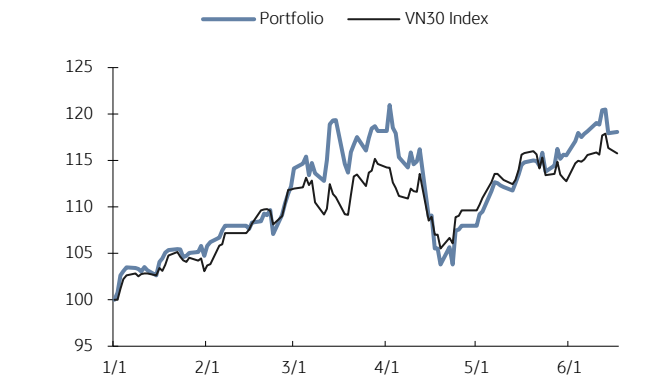
Khởi phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.51%	0.10%
Tăng lũy kế (YTD)	15.75%	18.06%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 17/06/2024	Daily return (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
FPT (FPT)	02/05/2024	128,800	-1.7%	19.6%	- Các mảng kinh doanh như CNTT nước ngoài, giáo dục còn nhiều tiềm năng tăng trưởng - Kỳ vọng động lực tăng trưởng dài hạn khi xâm nhập vào mảng chip bán dẫn
PC1 Group (PC1)	01/04/2024	28,200	-0.4%	-0.9%	- Quy hoạch điện VIII thúc đẩy mảng xây lắp điện và sản xuất công nghiệp - Doanh thu bán điện hồi phục khi chuyển pha Lanina trong 2H2024 - Triển vọng dài hạn ở mảng Khu công nghiệp
Vietcombank (VCB)	01/03/2024	87,100	-0.5%	-11.3%	- Tín dụng tăng trưởng bền vững trong năm 2024 - NIM kỳ vọng được duy trì ổn định nhờ chi phí vốn cải thiện - Bộ đệm dự phòng vững chắc
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	03/06/2024	96,000	0.2%	2.1%	- Thị phần mảng bán lẻ duy trì tăng trưởng nhờ xu hướng hợp nhất ngành - Nhu cầu kỳ vọng cải thiện khi kinh tế phục hồi - Mảng vàng miếng tăng trưởng tốt nhờ giá vàng tăng
Hoa Phat (HPG)	03/06/2024	29,450	1.2%	2.3%	- KQKD chạm đáy trong 2023 và hồi phục từ 2024 - Lợi nhuận có tín hiệu hồi phục, ngành thép chuẩn bị bước vào chu kỳ tăng giá mới - Dung Quất 2 tạo động lực tăng trưởng cho HPG trong dài hạn
Sacombank (STB)	03/06/2024	30,500	-0.2%	8.5%	- STB đã bán thành công khoản nợ liên quan đến khu công nghiệp Phong Phú - Lãi suất huy động của STB vẫn duy trì ở mức thấp - NIM kỳ vọng tiếp tục hồi phục, NPL đi ngang so với cùng kỳ, chất lượng tài sản được kiểm soát tốt
DPM (DPM)	03/06/2024	37,300	1.4%	2.5%	- Nhu cầu trở lại toàn cầu tăng trưởng sẽ hỗ trợ triển vọng tiêu thụ phân bón trong 2024 - Kỳ vọng chi phí đầu vào thuận lợi hơn khi El Nino có dấu hiệu suy yếu đi
Nam Kim (NKG)	03/06/2024	26,800	4.3%	8.3%	- Tiêu thụ được thúc đẩy nhờ động lực chính từ kênh xuất khẩu và nội địa dần hồi phục - Nhà máy Nam Kim Phú Mỹ bắt đầu cho ra sản phẩm từ 1Q2026
PetroVietnam Gas (GAS)	03/06/2024	77,600	-1.8%	-4.1%	- Giá dầu thô Brent và dầu FO dự báo đi ngang so với năm 2023, đóng góp vào KQKD 2024 - Dự án LNG tăng khả năng có lợi nhuận trong 2025 nhờ điều chỉnh giá điện
Mobile World Corp (MWG)	02/05/2024	62,000	-1.6%	10.7%	- Chuỗi TGDD và ĐMX trên đà hồi phục, kỳ vọng quay trở lại làm trụ cột lợi nhuận chính - Bách Hoá Xanh tăng trưởng ấn tượng, đạt mục tiêu hoà vốn, tiếp tục tối ưu trước khi mở rộng

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
HSG	6.8%	20.1%	107.0
SAB	0.3%	60.8%	89.9
NKG	4.3%	14.8%	45.0
EVF	5.1%	1.5%	41.5
CTR	2.1%	9.9%	37.2

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
HPG	1.2%	24.9%	-147.4
FPT	-1.7%	42.0%	-111.1
VHM	0.3%	16.6%	-101.8
VNM	-0.3%	50.4%	-101.6
HDB	-1.7%	18.0%	-101.3

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
HUT	-0.6%	1.7%	2.0
BVS	-1.6%	5.6%	1.4
SHS	-1.1%	9.6%	0.8
VGS	2.7%	1.0%	0.6
IDJ	0.0%	0.8%	0.6

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
PVS	-1.4%	20.8%	-13.7
IDC	-0.8%	23.6%	-6.6
GKM	0.8%	2.8%	-4.2
NTP	-4.2%	17.6%	-2.0
VCS	1.1%	2.2%	-1.7

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Giấy & lâm sản	10.8%	DHC, HAP, HHP, VID
Xây dựng và kỹ thuật	6.0%	DIG, HDG, VCG, PC1
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	4.9%	TNH, JVC, VMD
Công nghệ	2.7%	FPT, CMG, ELC
Khách sạn, Nhà hàng & Giải trí	2.6%	AST, VNG, DSN, DAH

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Đồ uống	-5.8%	SAB, BHN, SMB, SCD
Đầu, khí và nhiên liệu tiêu hao	-5.1%	PLX, PGC, CNG, GSP
Máy móc	-4.4%	TCH, HHS, SRF, SHA
Dược	-3.8%	DHG, IMP, TRA, DBD
Hóa chất	-3.7%	GVR, DGC, DPM, DCM

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hàng hải	24.3%	VSC, VOS, SKG, VTO
Giấy & lâm sản	22.1%	DHC, HAP, HHP, VID
Phụ tùng oto	14.9%	DRC, CSM, PAC, TNC
Xây dựng và kỹ thuật	14.0%	DIG, HDG, VCG, PC1
Công nghệ	13.3%	FPT, CMG, ELC

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Sản phẩm xây dựng	-3.2%	VGC, BMP, SHI, DAG
Quản lý & phát triển bất động sản	-2.7%	VHM, VIC, NVL, BCM
Bao bì & đóng gói	-2.3%	TDP, SVI, MCP, TPC
Ngân hàng	-1.2%	VCB, BID, VPB, TCB
Hàng không dân dụng	-0.3%	VJC, HVN

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam



Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)		P/B (X)		Biến động (%)				
							23E	24E	23E	24E	23E	24E	1D	1W	1M	YTD	
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	106,521 (4.2)	22.5	47.5	-	14.7	2.9	-2.5	-	-	0.0	-3.3	-10.4	-5.8
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	311,617 (12.2)	26.6	5.5	4.7	35.9	16.0	15.8	0.8	0.7	0.3	-1.5	-6.2	-11.3
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	178,632 (7.0)	17.8	11.8	10.3	-7.6	10.7	10.7	1.2	1.1	-1.4	-4.3	-8.4	-9.2
	NVL	NOVALAND INVESTM	45,853	86,712 (3,768)	209,633 (8.2)	31.3	-	-	6.7	-3.8	-6.4	0.8	0.8	-0.4	-4.1	-1.4	-17.3
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	25,770	19,167 (833)	141,793 (5.6)	11.6	34.1	31.4	13.7	6.5	7.6	2.0	1.9	0.1	0.7	1.8	19.6
	DXG	DAT XANH GROUP	20,008	12,594 (547)	128,784 (5.1)	13.9	70.1	41.6	-	2.1	2.5	1.1	1.1	-1.8	-2.4	-6.9	-16.3
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	67,686	378,305 (16,441)	167,295 (6.6)	6.3	14.2	12.1	11.7	19.2	18.2	2.4	2.0	-0.5	-1.0	-5.1	8.5
	BID	BANK FOR INVESTM	30,621	174,556 (7,586)	93,068 (3.7)	12.7	12.2	10.5	-5.3	18.8	19.2	1.9	1.6	-2.1	-2.4	-5.8	7.1
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	476,925 (18.7)	0.0	7.7	6.4	14.3	16.3	17.6	1.1	1.0	-1.0	-0.6	-2.3	52.8
	CTG	VIETNAM JS COMM	25,516	137,021 (5,955)	339,155 (13.3)	1.4	8.5	6.4	50.3	16.6	18.7	1.2	1.0	-0.2	-2.2	-1.1	20.8
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	374,879 (14.7)	0.0	10.2	7.8	18.8	11.2	12.9	1.1	1.0	0.3	3.9	-3.4	-2.3
	MBB	MILITARY COMMERC	14,063	73,327 (3,187)	415,195 (16.3)	0.0	5.8	4.9	14.6	22.1	22.2	1.1	1.0	0.6	2.6	0.0	24.7
	HDB	HDBANK	14,191	40,641 (1,766)	162,180 (6.4)	4.2	6.0	5.5	23.3	24.4	18.1	1.2	1.0	-1.7	-1.5	-3.1	16.0
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	444,603 (17.5)	14.0	6.4	4.6	26.5	18.8	21.5	1.0	0.8	-0.2	-1.9	7.0	9.1
	TPB	TIEN PHONG COMME	14,821	28,732 (1,249)	167,821 (6.6)	0.0	4.5	3.6	37.4	16.5	17.7	1.1	0.9	-0.5	1.1	0.8	6.6
EIB	VIETNAM EXPORT-I	13,065	22,745 (988)	252,520 (9.9)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	1.1	-4.3	5.4	1.9	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	56,209 (2.2)	21.0	19.2	16.0	15.8	7.8	9.0	-	-	-0.4	-4.3	8.4	12.2
	BMI	BAOMINH INSURANC	20,227	2,439 (106)	17,686 (0.7)	14.2	-	-	9.1	-	-	-	-	1.6	-3.0	8.5	19.9
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	569,375 (22.4)	55.4	20.4	17.3	-3.2	12.1	13.2	2.3	2.3	-0.6	1.6	-1.4	9.5
	VCI	VIETCAP	21,154	9,108 (396)	283,553 (11.1)	71.9	26.8	25.6	-4.0	12.7	11.6	2.2	2.5	-0.7	0.1	-1.1	13.8
	HCM	HO CHI MINH CITY	15,467	8,907 (387)	255,534 (10.0)	52.4	-	-	-19.0	10.2	-	-	-	-1.6	-1.9	-3.6	19.8
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,134	5,734 (249)	298,767 (11.7)	27.2	12.9	12.7	36.3	11.7	12.0	1.5	1.3	-2.0	-2.0	-9.0	-10.5
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,905 (9,900)	287,163 (11.3)	42.1	16.0	14.9	4.0	28.3	29.5	4.3	4.2	-0.3	-1.8	-1.5	-2.4
	SAB	SAIGON BEER ALCO	96,250	123,447 (5,365)	113,871 (4.5)	36.9	19.1	18.1	7.3	17.9	18.7	3.4	3.3	0.3	-6.1	9.5	1.0
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	498,822 (19.6)	16.5	62.3	29.7	-51.9	7.3	12.2	3.6	3.2	-2.3	-1.2	0.9	13.7
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	21,699 (0.9)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	0.6	-8.5	8.5	3.2
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	98,269 (3.9)	11.0	33.6	24.2	-88.5	11.5	17.0	3.3	2.9	0.0	-3.9	-10.7	-3.0
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	153,208 (6.0)	10.8	19.5	20.3	-57.0	14.9	13.3	2.5	2.3	1.0	-3.6	-1.2	18.9
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	102,009 (4.0)	38.4	-	-	65.7	-	-	-	-	-0.9	-2.3	-2.0	-0.6
Công nghiệp (Tư bản)	CTR	VIETTEL CONSTRUC	55,596	6,360 (276)	73,727 (2.9)	48.0	36.5	29.8	26.2	28.3	30.5	8.4	7.0	2.1	17.4	15.7	69.4
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	364,289 (14.3)	37.7	45.8	20.1	-14.4	6.8	5.2	-	-	0.4	-0.4	3.9	0.8
	CTD	COTECCONS CONSTR	54,900	5,438 (236)	116,548 (4.6)	3.6	21.3	16.6	-52.4	3.7	4.3	0.9	0.8	-0.8	-3.2	1.8	4.7
	REE	REE	39,188	18,419 (800)	58,505 (2.3)	0.0	10.2	8.2	-4.5	10.6	10.5	1.3	1.3	0.2	-1.0	4.2	24.7

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

**Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu**

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)		ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							23E	24E	23E	24E	23E	24E	1D	1W	1M	YTD		
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	75,083	172,447 (7,494)	148,118 (5.8)	46.1	16.1	15.2	-17.5	16.6	16.4	2.6	2.5	-1.8	-3.4	2.5	2.8	
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	27,275 (1.1)	31.4	-	25.1	-10.5	2.0	5.1	1.6	1.6	1.4	-2.8	0.4	-8.4	
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	14,261 (0.6)	34.1	8.4	8.0	-5.1	13.3	13.5	0.9	0.9	-1.0	-2.8	-3.5	4.1	
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	22,714	145,287 (6,314)	770,746 (30.3)	18.0	15.1	10.6	21.9	10.2	12.9	1.6	1.4	1.2	0.5	2.5	15.9	
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	182,440 (7.2)	36.5	19.4	15.6	-0.5	6.4	7.9	1.3	1.2	1.4	-3.9	6.3	12.0	
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	239,122 (9.4)	46.5	11.6	12.0	-4.5	14.4	16.2	1.9	1.8	0.8	-2.5	1.3	16.7	
	HSG	HOA SEN GROUP	18,314	11,063 (481)	328,047 (12.9)	38.9	18.5	13.1	67.9	8.1	10.1	1.5	1.5	6.8	4.8	15.1	10.3	
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	82,701 (3.2)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	-0.5	-5.2	-3.9	16.9	
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	113,593 (4.5)	4.6	15.3	14.2	-51.0	12.0	12.2	1.8	1.7	-1.5	-4.9	5.1	15.7	
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	172,115 (6.8)	39.9	19.5	11.0	-11.9	5.9	11.3	1.3	1.2	-0.5	-2.4	-4.8	9.7	
	PVT	PETROVIET TRANSP	16,273	5,793 (252)	187,578 (7.4)	35.9	9.8	8.3	2.2	12.3	12.8	1.4	1.2	-0.5	-6.7	1.7	25.6	
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	516,242 (20.3)	0.0	26.1	18.9	14.4	14.2	16.6	3.4	3.0	-1.6	-1.6	4.0	44.9	
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	132,387 (5.2)	0.0	15.3	13.2	2.4	21.1	21.2	2.9	2.5	0.2	1.5	-3.1	11.6	
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	23,403	1,261 (055)	16,640 (0.7)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	1.6	-8.3	-0.5	-22.4	
	FRT	FPT DIGITAL RETA	16,348	2,227 (097)	135,873 (5.3)	30.3	122.7	45.6	-75.2	9.6	23.4	13.7	11.2	0.6	1.4	5.6	63.6	
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	31,792 (1.2)	34.6	21.2	18.5	41.2	10.3	11.3	2.4	2.2	-2.6	-7.2	-1.7	19.5	
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	4,770 (0.2)	45.4	16.2	15.1	10.7	19.5	19.2	3.2	3.2	-0.5	-6.2	-0.2	11.0	
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-	
IT	FPT	FPT CORP	42,848	61,301 (2,664)	795,419 (31.3)	0.0	24.9	20.3	15.5	28.4	28.9	4.9	4.1	-1.7	2.9	10.1	54.1	

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

---

**Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích**  
binhnx@kbsec.com.vn

### **Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán**

**Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm**  
tungna@kbsec.com.vn

**Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích**  
linhpp@kbsec.com.vn

### **Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng**

**Phạm Hoàng Bảo Nga – Trưởng nhóm**  
ngaphb@kbsec.com.vn

**Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích**  
nguyennd1@kbsec.com.vn

### **Bán lẻ & Hàng tiêu dùng**

**Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích**  
giangnt1@kbsec.com.vn

### **Bất động sản khu công nghiệp & Logistics**

**Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích**  
anhntn@kbsec.com.vn

### **Dầu khí & Hóa Chất**

**Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích**  
hieupm@kbsec.com.vn

**Khối phân tích**  
research@kbsec.com.vn

### **Vĩ mô & Chiến lược đầu tư**

**Trần Đức Anh – Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược đầu tư**  
anhtd@kbsec.com.vn

**Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích**  
uyenvt@kbsec.com.vn

**Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích**  
tienns@kbsec.com.vn

**Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích**  
thuannd@kbsec.com.vn

### **Bộ phận Hỗ trợ**

**Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ**  
thonc@kbsec.com.vn

**Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ**  
huongnt3@kbsec.com.vn

**CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)**

---

**Trụ sở chính:**

Địa chỉ: Tầng 16&amp;17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

**Chi nhánh Hà Nội:**

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

**Chi nhánh Hồ Chí Minh:**

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

**Chi nhánh Sài Gòn:**

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

**LIÊN HỆ**

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)**Hệ thống khuyến nghị**

---

**Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu**

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Trung lập:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

**Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành**

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.